

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [23036701] - Thực hành công nghệ
sản xuất đồ uống (CCQ2321A)
CBGD: Trần Hương Nguyễn (300203)

Số SV có mặt: 22
Số bài thi: 22
Số tờ giấy thi:

Trần Hương Nguyễn
Nguyễn Thị Sao Ly
Trần Hương Nguyễn
Nguyễn Thị Sao Ly

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123210022	Cao Ngọc Thúy	An	08/05/2005	CCQ2321A		Thuy	7.6	8.5	8.1
2	2123210196	Trần Thanh	Ân	05/11/2002	CCQ2321A		An	7.0	8.5	7.9
3	2123210004	Nguyễn Đỗ Hoàng	Anh	24/06/2000	CCQ2321A			7.4	8.5	8.1
4	2123210168	Trương Hoàng	Đạt	06/07/2005	CCQ2321E		Hoàng Đạt	7.2	8.5	8.0
5	2123210181	Trương Đông	Du	09/02/2005	CCQ2321E			0.8	0.0	0.3
6	2122210164	Nguyễn Ngọc	Đức	25/02/2004	CCQ2221C			—	—	—
7	2123210193	Nguyễn Trọng	Đức	10/04/2004	CCQ2321E			—	—	—
8	2123210002	Bùi Thị Thùy	Dương	07/02/2004	CCQ2321A		Duong	7.1	8.0	7.6
9	2123210035	Nguyễn Quốc	Dương	31/05/2005	CCQ2321A		Quoc	7.6	8.0	7.8
10	2123210191	Trịnh Vũ	Duy	03/06/2004	CCQ2321E		Duy	7.7	8.5	8.2
11	2123210190	Lê Thị	Duyên	28/11/2003	CCQ2321E		Duyen	7.7	8.0	7.9
12	2123210170	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	21/06/2005	CCQ2321E		Duyen	7.3	8.0	7.7
13	2123210029	Vũ Dương Hồng	Duyên	11/11/2005	CCQ2321A		Duyhong	7.2	8.0	7.7
14	2123210028	Nguyễn Hương	Giang	21/10/2005	CCQ2321A		Giang	7.5	8.5	8.1
15	2123210169	Phạm Thị Mỹ	Giàu	23/11/2005	CCQ2321E		My	7.1	8.5	7.9
16	2123210155	Lê Nguyễn Bảo	Hân	07/04/2005	CCQ2321E		Han	6.0	8.5	7.5
17	2123210178	Lê Thúy	Hậu	20/02/2005	CCQ2321E		Hau	6.5	8.0	7.4
18	2123210179	Nguyễn Thị Thu	Hiền	02/07/2005	CCQ2321E		Thuan	7.3	8.0	7.7
19	2123210030	Nguyễn Tấn	Hoàng	17/08/2005	CCQ2321A		Hoang	7.4	8.5	8.1
20	2123210013	Nguyễn Thị Diễm	Hương	29/12/2005	CCQ2321A		Diem	7.7	8.0	7.9
21	2123210025	Nguyễn Thị Ý	Hương	09/12/2005	CCQ2321A		Y	7.4	8.5	8.1
22	2123210026	Phạm Thị Thanh	Hương	31/05/2005	CCQ2321A		Thanh	7.3	8.0	7.7
23	2123210020	Nguyễn Bảo	Khang	05/04/2005	CCQ2321A		Khang	6.9	8.0	7.6
24	2123210032	Lê Tuấn	Kiệt	03/07/2005	CCQ2321A		Tuan	8.0	8.5	8.3
25	2123210033	Trần Thị Mộng	Kiều	25/09/2005	CCQ2321A		Mong	7.3	8.5	8.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [23036702] - Thực hành công nghệ
sản xuất đồ uống (CCQ2321B)
CBGD: Nguyễn Thị Sao Ly (300020)

Số SV có mặt:.....
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:.....

[Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors]

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123210059	Nguyễn Thị Yến	My	07/10/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	7,9	7,0	7,4
2	2123210056	Đỗ Thị Tuyết	Ngân	10/09/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	7,8	7,5	7,6
3	2123210061	Nguyễn Như	Ngọc	14/03/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,6	10,0	9,4
4	2123210050	Trần Minh	Ngọc	28/01/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,9	8,0	8,4
5	2123210054	Đỗ Quỳnh	Như	17/04/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,6	6,0	7,0
6	2123210039	Huỳnh Thị Kim	Như	12/02/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,9	7,5	8,1
7	2123210070	Nguyễn Minh	Quân	18/10/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,0	6,5	7,1
8	2123210055	Phạm Thị Như	Quỳnh	05/03/2005	CCQ2321B			00	00	00
9	2123210040	Trần Thị Cẩm	Thu	18/03/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,6	9,0	8,8
10	2123210045	Nguyễn Thị Thu	Thùy	23/06/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,9	5,0	6,6
11	2123210069	Vì Thị Thu	Thùy	28/11/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,1	8,0	8,0
12	2123210048	Lê Thị Kiều	Tiên	04/09/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,5	6,0	7,0
13	2123210145	Nguyễn Cẩm	Tiên	04/07/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,0	7,0	7,4
14	2123210062	Đoàn Thị Thu	Trang	01/11/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,6	7,0	7,0
15	2123210065	Lê Thị Huyền	Trang	16/07/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,6	7,0	7,6
16	2123210060	Trần Thị Huyền	Trang	24/06/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,6	7,0	7,6
17	2123210071	Ngô Thùy	Trinh	26/12/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	9,4	5,5	6,9
18	2123210066	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	26/10/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,4	10,0	9,4
19	2123210063	Nguyễn Thị Thu	Tuyết	18/08/2005	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,8	10,0	9,5
20	2123210042	Trần Tường	Vy	03/11/2004	CCQ2321B		<i>[Signature]</i>	8,8	7,5	8,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học : [23036703] - Thực hành công nghệ
sản xuất đồ uống (CCQ2321C)
CBGD: Tăng Phan Duy Phúc (300021)

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123210095	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/12/2005	CCQ2321C		Anh	7.5	7.0	7.2
2	2123210079	Nguyễn Thị Quế	Anh	21/09/2005	CCQ2321C		Quế	7.5	7.0	7.2
3	2123210075	Mai Thị	Ánh	28/11/2005	CCQ2321C		Ánh	7.5	7.5	7.5
4	2123210081	Phạm Thị Ngọc	Chính	01/02/2005	CCQ2321C		Ngọc	7.5	8.5	8.1
5	2123210072	Ngô Đặng Thành	Đạt	30/07/2005	CCQ2321C		Đạt	7.5	7.5	7.5
6	2123210103	Đỗ Thị Bích	Diễm	09/06/2005	CCQ2321C		Bích	7.5	7.5	7.5
7	2123210108	Võ Thị Thùy	Dung	26/04/2005	CCQ2321C		Thùy	7.5	7.0	7.2
8	2123210073	Phạm Thu	Duyên	20/07/2005	CCQ2321C		Thu	7.5	7.5	7.5
9	2123210099	Vũ Hồng	Duyên	18/11/2005	CCQ2321C		Hồng	7.5	7.0	7.2
10	2123210085	Hồ Thị Quỳnh	Giao	19/06/2005	CCQ2321C		Quỳnh	7.5	7.5	7.5
11	2123210104	Đặng Thị	Hằng	22/12/2004	CCQ2321C		Thị	7.5	8.0	7.8
12	2123210086	Lê Đỗ Phương	Hằng	25/03/2005	CCQ2321C		Phương	8.5	8.0	8.2
13	2123210092	Lê Thị Hồng	Hạnh	10/09/2005	CCQ2321C		Hồng	7.5	7.5	7.5
14	2123210083	Nguyễn Văn	Hoàn	11/07/2005	CCQ2321C		Văn	7.5	8.0	7.8
15	2123210084	Đặng Thị Thu	Hương	15/02/2003	CCQ2321C		Thu	7.5	7.5	7.5
16	2123210094	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	28/09/2005	CCQ2321C		Diễm	7.5	7.5	7.5
17	2123210076	Từ Thị	Lan	28/02/2005	CCQ2321C		Thị	8.0	7.5	7.7
18	2123210180	Tô Ngọc	Lộc	07/03/2005	CCQ2321C		Ngọc	7.0	7.0	7.0
19	2123210101	Võ Huỳnh	Như	20/12/2005	CCQ2321C		Như	8.0	8.0	8.0
20	2123210102	Nguyễn Thị Den	Ny	03/05/2005	CCQ2321C		Den	7.5	8.0	7.8
21	2123210098	Nguyễn Minh	Quang	17/10/2005	CCQ2321C		Minh	8.0	7.5	7.7
22	2123210100	Nguyễn Thị Trúc	Quy	22/04/2005	CCQ2321C		Trúc	8.0	7.0	7.4
23	2123210184	Phạm Công	Sinh	28/02/2005	CCQ2321C		Công	8.0	7.0	7.4
24	2123210089	Lê Thị Ý	Thơm	06/12/2005	CCQ2321C		Ý	8.0	7.0	8.6
25	2123210107	Lữ Anh	Thư	19/01/2005	CCQ2321C		Anh	8.0	8.0	8.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [23036704] - Thực hành công nghệ
sản xuất đồ uống (CCQ2321D)

CBGD: Nguyễn Thị Sao Ly (300020)

Số SV có mặt:.....24

Số bài thi:24

Số tờ giấy thi:.....24

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210081	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	16/11/2004	CCQ2221C			7,9	5,5	6,5
2	2123210109	Huỳnh Thị Trúc Linh	10/08/2005	CCQ2321A			8,6	7,0	7,6
3	2123210012	Nguyễn Thị Kiều Linh	18/12/2005	CCQ2321A			8,6	5,0	6,4
4	2123210031	Trần Công Minh	21/12/2005	CCQ2321A			8,0	6,0	6,8
5	2123210001	Hoàng Cẩm Ngân	11/10/2004	CCQ2321A			8,4	6,5	7,3
6	2123210027	Trịnh Ngọc Thanh Ngân	23/12/2005	CCQ2321A			8,4	9,5	9,1
7	2123040031	Phan Thành Nhân	30/01/2005	CCQ2321A			00	80	0,0
8	2123210129	Mai Thị Nương	02/04/2005	CCQ2321D			8,0	5,5	6,5
9	2123210018	Cao Hoàng Oanh	12/08/2004	CCQ2321A			7,8	6,0	6,7
10	2123210034	Lương Thu Phương	09/09/2003	CCQ2321A			8,0	5,5	6,5
11	2123210021	Nguyễn Thị Bích Phương	18/12/2005	CCQ2321A			8,8	8,0	8,3
12	2123210008	Bùi Thanh Quý	15/04/2005	CCQ2321A			8,8	7,5	8,0
13	2123210183	Lục Như Quỳnh	31/01/2005	CCQ2321D			7,8	5,0	6,1
14	2123210146	Trần Thị Hoàng Thơ	06/03/2005	CCQ2321D			9,3	8,0	8,5
15	2123210186	Bùi Thị Phương Thư	28/06/2005	CCQ2321D			8,5	8,0	8,2
16	2123210113	Trần Đặng Mỹ Thư	06/04/2005	CCQ2321D			8,5	8,5	8,5
17	2123210120	Lê Ngọc Trâm	20/05/2005	CCQ2321D			8,5	6,0	7,0
18	2123210127	Nguyễn Diệu Trân	04/03/2005	CCQ2321D			8,0	6,5	7,1
19	2123210141	Nguyễn Văn Trí	03/03/2005	CCQ2321D			8,5	10,0	9,4
20	2123210128	Huỳnh Thị Thanh Trúc	13/04/2005	CCQ2321D			7,8	6,5	7,0
21	2123210123	Nguyễn Thị Hồng Trúc	15/07/2005	CCQ2321D			8,7	7,5	8,0
22	2123210138	Phan Thị Như Uyên	28/04/2005	CCQ2321D			8,3	9,0	8,7
23	2123210122	Nguyễn Thị Xuân	21/11/2005	CCQ2321D			7,8	7,0	7,3
24	2123210114	Huỳnh Ngọc Như Ý	05/05/2005	CCQ2321D			7,9	6,5	7,1
25	2123210134	Nguyễn Thị Mỹ Yến	19/01/2005	CCQ2321D			8,9	9,0	9,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [23036705] - Thực hành công nghệ
sản xuất đồ uống (CCQ2321E)
CBGD: Trần Hương Nguyễn (300203)

Số SV có mặt: 23.....
Số bài thi: 23.....
Số tờ giấy thi:.....

Trần Hương Nguyễn *Nguyễn Thị Sưu Ly* *Trần Hương Nguyễn* *Nguyễn Thị Sưu Ly*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123210176	Đỗ Ngọc Bảo	Hân	20/08/2005	CCQ2321E		<i>Hân</i>	616	815	717
2	2123210163	Trần Minh	Hoàng	05/10/2005	CCQ2321E		<i>Minh</i>	714	813	719
3	2123210175	Nguyễn Thị Thu	Hồng	18/06/2005	CCQ2321E		<i>Thu</i>	818	815	816
4	2123210161	Huỳnh Minh	Khải	05/10/2005	CCQ2321E			/	/	/
5	2123210154	Lâm Nguyễn Gia	Linh	17/05/2005	CCQ2321E		<i>Linh</i>	713	815	810
6	2123210165	Hồ Trúc	Mai	03/04/2005	CCQ2321E		<i>Mai</i>	815	815	815
7	2123210164	Phạm Huyền	My	05/05/2005	CCQ2321E		<i>Huyền</i>	616	813	716
8	2123210152	Ngô Thị Hồng	Mỹ	26/11/2004	CCQ2321E		<i>Mỹ</i>	817	815	816
9	2123210174	Ninh Thành	Nam	03/12/2005	CCQ2321E			013	010	011
10	2122210101	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	21/05/2004	CCQ2221C		<i>Thảo</i>	810	810	810
11	2123210151	Nguyễn Trung	Nhân	06/03/2005	CCQ2321E		<i>Trung</i>	710	815	719
12	2122210102	Quách Thị Như	Phương	24/09/2004	CCQ2221C		<i>Phương</i>	713	815	810
13	2123210153	Trần Công	Quang	10/10/2005	CCQ2321E		<i>Quang</i>	616	813	716
14	2123210173	Trần Ngọc Diễm	Quyên	15/10/2005	CCQ2321E		<i>Quyên</i>	619	815	719
15	2123210185	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	15/08/2005	CCQ2321E		<i>Mỹ</i>	714	815	811
16	2123210167	Võ Thị Phương	Thanh	17/12/2005	CCQ2321E		<i>Phương</i>	717	813	811
17	2123210150	Trương Ngọc	Thảo	26/12/2005	CCQ2321E		<i>Thảo</i>	811	815	813
18	2123210157	Dương Thị Kim	Thoà	23/10/2005	CCQ2321E		<i>Thoà</i>	718	810	719
19	2122210188	Mai Hương	Trâm	02/09/2003	CCQ2221D		<i>Hương</i>	812	810	811
20	2123210159	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/01/2005	CCQ2321E		<i>Trang</i>	713	815	810
21	2123210172	Nguyễn Đức	Trí	10/08/2005	CCQ2321E		<i>Đức</i>	813	813	813
22	2122210139	Lê Thanh	Trúc	12/03/2004	CCQ2221D		<i>Thanh</i>	711	815	719
23	2123210158	Mai Nguyễn Bảo	Trúc	25/01/2005	CCQ2321E		<i>Bảo</i>	617	815	718
24	2123210147	Võ Phi Mạnh	Tường	29/01/2005	CCQ2321E		<i>Mạnh</i>	519	715	619
25	2123210192	Nguyễn Văn	Vinh	25/01/2005	CCQ2321E		<i>Vinh</i>	715	810	718

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [23036706] - Thực hành công nghệ
sản xuất đồ uống (CCQ2321A)

CBGD: Tăng Phan Duy Phúc (300021)

Số SV có mặt: 23...

Số bài thi: 23...

Số tờ giấy thi: 23...

*Tăng Phan
Duy Phúc*

*Trần
Hùng
Nguyễn*

*Tăng Phan
Duy Phúc*

*Trần
Hùng
Nguyễn*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123210043	Nguyễn Thiện Ân	24/05/2005	CCQ2321B		<i>An</i>	7.5	8.0	7.8
2	2123210068	Trịnh Thị Lan	08/09/2005	CCQ2321B		<i>Anh</i>	7.5	7.0	7.2
3	2123210051	Phạm Thái Bảo	28/11/2005	CCQ2321B		<i>Bảo</i>	8.0	7.5	7.7
4	2123210067	Nguyễn Chí Cường	02/01/2005	CCQ2321B		<i>Cường</i>	8.0	8.0	8.0
5	2123210038	Bùi Gia Bảo	13/11/2005	CCQ2321B		<i>Ham</i>	7.5	7.8	7.7
6	2123210057	Tô Thị Thanh	16/03/2005	CCQ2321B		<i>Thanh</i>	7.0	8.0	7.6
7	2123210037	Đỗ Thị Như	27/01/2005	CCQ2321B		<i>Hoài</i>	7.5	8.0	7.8
8	2123210049	Nguyễn Mỹ Hoàng	19/12/2005	CCQ2321B		<i>Mi Hoàng</i>	7.5	8.0	7.8
9	2123210053	Nguyễn Gia Huy	13/11/2005	CCQ2321B		<i>Huy</i>	7.0	7.0	7.0
10	2123210058	Ngô Chí Khanh	16/07/2005	CCQ2321B		<i>Khanh</i>	7.0	7.5	7.3
11	2123210046	Nguyễn Văn Lộc	21/01/2005	CCQ2321B		<i>Lộc</i>	7.0	7.5	7.3
12	2123210052	Đặng Thị Khánh Ly	02/11/2005	CCQ2321B		<i>Ly</i>	7.0	8.0	7.6
13	2123210044	Nguyễn Thị Thanh Ly	01/07/2005	CCQ2321B		<i>Ly</i>	7.0	8.0	7.6
14	2123210041	Nguyễn Thị Trà My	24/05/2005	CCQ2321B		<i>My</i>	7.0	8.0	7.6
15	2123210005	Vũ Ngọc Sơn	29/09/2000	CCQ2321A		<i>SON</i>	7.5	7.8	7.7
16	2123210024	Nguyễn Thanh Thảo	02/11/2005	CCQ2321A		<i>Thảo</i>	7.5	8.0	7.8
17	2123210023	Nguyễn Thị Kim Thảo	13/09/2005	CCQ2321A		<i>Thảo</i>	7.5	8.0	7.8
18	2122210103	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/06/2004	CCQ2221F					
19	2123210036	Trần Thị Minh Thư	09/10/2005	CCQ2321A		<i>Thư</i>	7.5	8.0	7.8
20	2123210019	Nguyễn Thị Minh Thủy	29/07/2005	CCQ2321A		<i>Thủy</i>	7.5	8.5	8.1
21	2123210007	Lê Thị Bích Trâm	20/10/2003	CCQ2321A		<i>Trâm</i>	7.5	7.5	7.5
22	2123210011	Hồ Thị Ngọc Trân	01/11/2005	CCQ2321A		<i>Trân</i>	7.5	7.5	7.5
23	2123210017	Nguyễn Thị Thùy Trang	17/05/2005	CCQ2321A					
24	2123210016	Nguyễn Thanh Trúc	13/12/2005	CCQ2321A		<i>Trúc</i>	7.5	7.0	7.2
25	2123210009	Nguyễn Phạm Ngọc Tuyền	24/12/2005	CCQ2321A		<i>Tuyền</i>	7.5	8.0	7.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and names: Nguyễn Duy Khanh, Trương Hoàng Ngọc, Nguyễn Duy Khanh, Trương Hoàng Ngọc)

Môn học : [23036707] - Thực hành công nghệ sản xuất đồ uống (CCQ2321C)
Số SV có mặt: 26
Số bài thi: 26
Số tờ giấy thi: 26

CBGD: Nguyễn Duy Khanh (TG300105)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123210118	Hồ Thị Diệu	04/04/2005	CCQ2321D		<i>Thi diu</i>	8,80	9,00	8,9
2	2123210135	Trương Văn Dũng	24/09/2005	CCQ2321D		<i>Dũng</i>	7,30	6,50	6,8
3	2123210111	Nguyễn Thị Tường Duy	13/11/2005	CCQ2321D		<i>Duy</i>	8,00	7,25	7,6
4	2123210182	Khúc Ngọc Hà	23/03/2005	CCQ2321D		<i>Hà</i>	8,80	8,50	8,6
5	2123210132	Nguyễn Hoài Ân	23/04/2005	CCQ2321D		<i>Ân</i>	7,30	6,00	6,5
6	2123210110	Lê Thị Thanh Hằng	09/12/2005	CCQ2321D		<i>Hằng</i>	8,80	6,50	7,4
7	2123210136	Lê Ngọc Hiền	28/04/2005	CCQ2321D		<i>Hiền</i>	7,70	6,75	7,2
8	2123210148	Chu Thị Hồng Huệ	09/08/2005	CCQ2321D		<i>Huê</i>	7,70	7,25	7,5
9	2123210133	Nguyễn Thị Yến Khoa	13/10/2005	CCQ2321D		<i>Khoa</i>	7,30	7,00	7,1
10	2123210142	Trần Thanh Khoa	19/11/2005	CCQ2321D		<i>Khoa</i>	7,00	6,50	6,7
11	2123210116	La Thị Trúc Lù	04/02/2005	CCQ2321D		<i>Lù</i>	8,80	8,50	8,6
12	2123210140	Lê Thị Trúc Lù	21/09/2005	CCQ2321D		<i>Lù</i>	7,70	6,25	6,9
13	2123210121	Nguyễn Thị Khánh My	12/09/2005	CCQ2321D		<i>My</i>	8,80	9,00	8,9
14	2123210119	Châu Thị Ly Na	02/08/2005	CCQ2321D		<i>Na</i>	8,80	8,50	8,6
15	2123210137	Đỗ Thị Bích Ngọc	21/08/2005	CCQ2321D		<i>Ngọc</i>	8,80	8,50	8,6
16	2123210144	Lê Hoàng Nhã	01/03/2005	CCQ2321D		<i>Nhã</i>	7,30	7,00	7,1
17	2123210195	Nguyễn Thanh Nhân	07/07/2004	CCQ2321D		<i>Nhân</i>	6,30	6,00	6,1
18	2123210117	Nguyễn Thị Khánh Nhi	11/08/2005	CCQ2321D		<i>Nhi</i>	8,80	7,50	8,0
19	2123210130	Nguyễn An Ninh	20/11/2005	CCQ2321D		<i>Ninh</i>	7,70	7,75	7,8
20	2123210093	Nguyễn Thị Hồng Thúy	23/02/2005	CCQ2321C		<i>Thúy</i>	7,30	6,00	6,5
21	2123210077	Danh Thị Cẩm Tiên	03/05/2005	CCQ2321C		<i>Cam Tiên</i>	8,80	8,50	8,6
22	2122210104	Nguyễn Thị Việt Trinh	21/04/2004	CCQ2221F		<i>Trinh</i>	7,70	8,25	8,1
23	2123210090	Nguyễn Thanh Tuyền	01/09/2005	CCQ2321C		<i>Tuyền</i>	7,70	9,25	8,7
24	2123210096	Phan Chí Vĩ	28/03/2005	CCQ2321C		<i>Vĩ</i>	7,30	7,00	7,1
25	2123210087	Trần Thị Như Ý	31/08/2005	CCQ2321C		<i>Ý</i>	8,80	8,50	8,6

26 2122210103 Nguyễn Thị Phương Thảo 20/06/2004 CCQ 2221F 7,70 6,75 7,2